

DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 15/4/2024			●
Tuần 15/4-19/4/2024			●
Tháng 04/2024	●		

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index hôm nay tăng hơn 18 điểm, kết phiên tại 1,276.60 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Du lịch và giải trí dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Ngân hàng, Hàng cá nhân & gia dụng, Dầu khí,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Trong những phiên giao dịch tới, thị trường có thể tiếp tục hồi phục trở về vùng 1,280 – 1,300, tuy nhiên dòng tiền trong thị trường còn đang rất yếu, tiềm ẩn rủi ro rung lắc mạnh.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 12/04/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+18.40** điểm, đóng cửa tại **1276.6** điểm. HNX-Index **+2.27** điểm, đóng cửa tại **241.34** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **CTG (+3.03)**, **TCB (+2.05)**, **MBB (+1.19)**, **VJC (+0.83)**, **LPB (+0.82)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MWG (-0.11)**, **DGC (-0.06)**, **NVL (-0.02)**, **HPX (-0.02)**, **POM (-0.02)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,005** tỷ đồng, tăng **12.59%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **24,033** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **18.89** điểm. Thị trường có **317** mã tăng, **85** mã tham chiếu, **143** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-728.83** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-247.32 tỷ)**, **MSN (-84.73 tỷ)**, **HSG (-61.45 tỷ)**, **PDR (-60.84 tỷ)**, **VNM (-49.88 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **12.76** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.43%**. Các mã diễn biến tích cực: **CTG (+6.53%)**, **TCB (+5.10%)**, **MBB (+3.79%)**.
- BSC50 **+1.36%**. Các mã diễn biến tích cực: **BMP (+6.93%)**, **SHS (+3.48%)**, **VIB (+3.06%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.43%	1.36%	1.46%	1.73%
1 tuần	-0.11%	-0.99%	0.25%	0.40%
1 tháng	-2.37%	-3.03%	-2.26%	-3.02%
3 tháng	13.39%	13.39%	8.68%	9.42%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,276.60	241.34	91.21
% 1D	1.46%	0.95%	0.32%
GTGD (tỷ VND)	17,005	1,578	631
%1D	12.59%	-5.08%	39.67%
GDNN (tỷ VND)	-728.83	12.76	-12.92

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SBT	64.13	VHM	-247.32
ASM	40.36	MSN	-84.73
SCS	40.09	HSG	-61.45
HPG	27.21	PDR	-60.84
HCM	26.91	VNM	-49.88

Thị trường thế giới

	%D	%W
SPX	0.74%	1.01%
FTSE100	1.24%	1.41%
Eurostoxx	1.17%	1.08%
Shanghai	-0.49%	-1.62%
Nikkei	0.31%	1.43%

Nguồn: Bloomberg

Giá trị %

Hàng hóa

Giá dầu Brent	90.45	0.28%
Giá vàng	2,405	2.13%

Tỷ giá

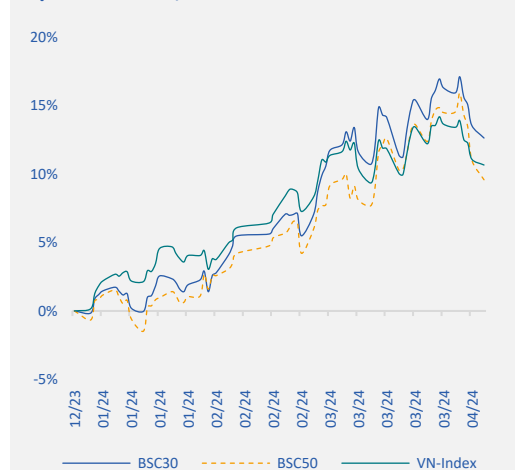
USD/VND	25,170	0.00%
EUR/VND	27,553	-0.23%
JPY/VND	167	0.00%

Lãi suất

LS TPCP 10Y	2.8%	0.03%
LS LNH 1M	3.7%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTG	33.70	6.53%	3.03	23.92
TCB	45.10	5.10%	2.05	14.34
MBB	23.75	3.79%	1.19	29.69
VJC	101.00	5.94%	0.83	1.51
LPB	18.30	6.83%	0.82	15.14

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MWG	52.30	-0.57%	-0.11	7.12
DGC	119.90	-0.58%	-0.06	1.07
NVL	17.75	-0.28%	-0.02	29.04
HPX	7.07	-4.53%	-0.02	10.64
POM	3.75	-6.93%	-0.02	1.21

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	20.10	3.48%	2.28	29.05
HUT	18.30	2.73%	1.77	2.75
IDC	57.50	1.57%	1.17	1.50
MBS	29.00	2.07%	1.04	3.54
SEB	45.10	9.76%	0.60	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TAR	7.60	-9.21%	-0.19	1.69
VNR	24.30	-1.23%	-0.19	0.02
CDN	27.50	-1.82%	-0.19	0.01
CLM	77.90	-3.21%	-0.10	0.00
CAN	45.00	-9.78%	-0.08	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TDM	45.00	7.00%	0.09	2.17
APC	7.31	6.98%	0.00	0.04
BMP	112.50	6.93%	0.16	0.77
DXV	5.68	6.87%	0.00	0.34
LPB	18.30	6.83%	0.82	15.14

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PSH	5.45	-6.97%	-0.01	0.70
POM	3.75	-6.93%	-0.02	1.21
SCD	13.00	-6.92%	0.00	0.01
PMG	8.99	-6.56%	-0.01	0.00
QBS	1.41	-6.38%	0.00	1.65

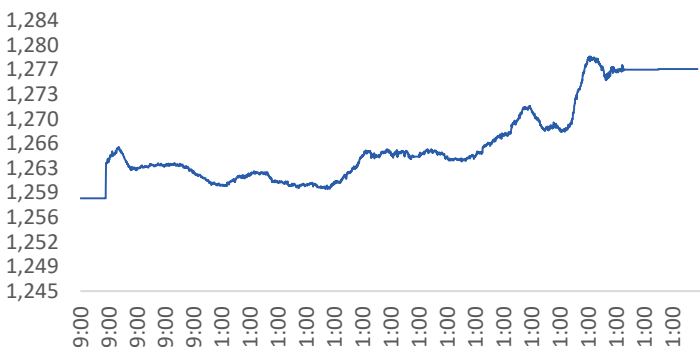
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SMT	5.10	9.80%	0.01	0.15
SEB	45.10	9.76%	0.60	0.00
PIA	26.20	9.54%	0.04	0.00
THS	9.90	9.09%	0.01	0.00
TKU	12.50	8.00%	0.20	0.00

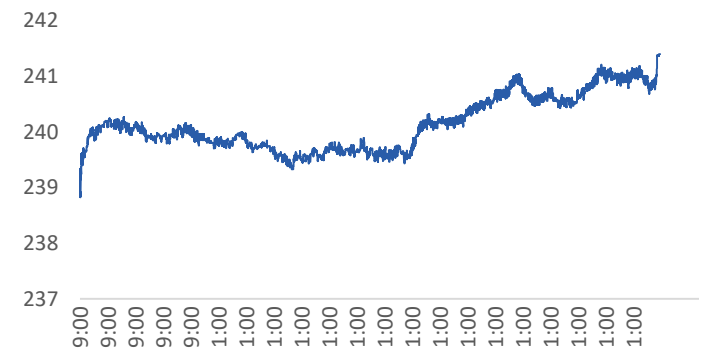
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HMR	25.30	-9.88%	-0.05	0.09
CAN	45.00	-9.78%	-0.08	0.00
TAR	7.60	-9.21%	-0.19	1.69
VGP	28.70	-9.06%	-0.07	0.23
VCM	13.30	-9.02%	-0.01	0.00

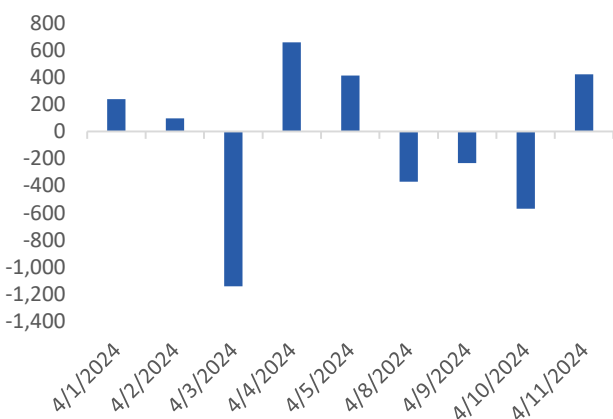
Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 2
HNX-Index Intraday

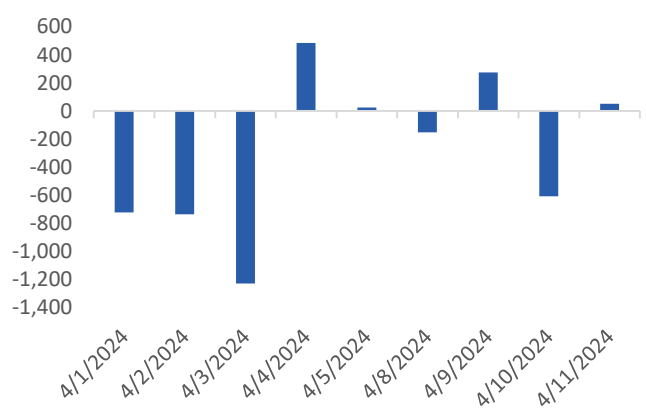


Hình 3
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	94.6	0.60%	0.7	21,204	3.2	5,910	16.0	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	53.4	0.80%	1.0	12,208	7.2	3,772	14.2	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.7	1.80%	1.0	6,268	14.0	1,257	15.7	23,685	27.8%	Link
TCB	Ngân hàng	47.4	5.10%	1.2	6,696	25.6	5,111	9.3	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	24.6	3.80%	1.1	5,227	23.6	3,966	6.2	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	29.1	0.90%	1.0	2,200	18.0	4,094	7.1	31,200	22.5%	Link
CTG	Ngân hàng	35.9	6.50%	1.1	7,731	34.2	3,706	9.7	19,100	27.1%	Link
ACB	Ngân hàng	28.0	3.10%	0.8	4,362	11.0	4,131	6.8	42,500	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	37.6	1.10%	1.2	2,258	29.4	1,529	24.6	45,900	43.2%	Link
IDC	BĐS KCN	58.4	1.60%	1.0	773	3.4	4,223	13.8	-	17.6%	Link
HPG	VLXD	30.0	0.20%	1.3	6,984	16.7	1,176	25.5	23,300	24.5%	Link
HSG	VLXD	22.9	0.00%	1.6	566	6.9	1,321	17.3	79,900	22.1%	Link
VHM	BĐS	44.5	0.80%	1.2	7,771	30.0	7,664	5.8	38,900	20.7%	Link
KDH	BĐS	36.4	0.60%	1.3	1,168	3.3	895	40.7	44,100	38.0%	Link
NLG	BĐS	42.8	1.10%	1.2	660	3.7	1,257	34.0	46,100	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	119.2	-0.60%	1.6	1,816	5.1	8,163	14.6	85,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	33.6	0.40%	1.4	712	2.2	2,095	16.0	41,000	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	79.7	1.10%	0.7	7,341	1.2	5,053	15.8	36,000	2.6%	Link
PVS	Dầu khí	43.0	0.70%	0.7	824	7.8	2,148	20.0	110,500	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	32.8	2.70%	1.2	731	4.4	1,052	31.2	45,000	23.3%	Link
POW	Tiện ích	11.2	0.40%	0.8	1,057	2.4	443	25.4	38,500	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	74.6	1.50%	1.1	672	1.0	4,914	15.2	29,000	32.0%	Link
GMD	Logistics	81.7	3.00%	1.1	1,017	8.8	7,357	11.1	14,500	48.2%	Link
VNM	Bán lẻ	66.7	0.20%	0.7	5,590	6.7	4,246	15.7	81,700	51.1%	Link
MSN	Bán lẻ	71.9	0.10%	1.5	4,126	10.3	293	245.7	27,700	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	52.0	-0.60%	1.5	3,049	13.9	115	453.5	63,800	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	103.1	3.10%	0.7	1,383	8.2	6,010	17.2	83,500	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	63.6	1.30%	1.7	426	2.4	2,121	30.0	90,900	23.4%	Link
FPT	Công nghệ	115.5	0.50%	0.8	5,883	6.3	5,091	22.7	57,000	49.0%	Link
CTR	Công nghệ	125.3	2.00%	1.0	575	0.8	4,510	27.8	108,000	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	24.3	1.20%	0.8	2,838	8.3	3,482	7.0	1.6	19.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	23.6	3.10%	1.3	2,401	8.6	3,376	7.0	1.6	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	18.7	1.90%	1.1	1,651	8.2	2,027	9.2	1.3	28.8%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.6	2.10%	1.3	1,175	3.5	2,322	6.3	0.9	30.0%	16.0%
EIB	Ngân hàng	18.2	0.00%	1.0	1,267	3.3	1,244	14.6	1.4	1.8%	10.1%
HCM	Chứng khoán	29.5	2.40%	1.4	833	9.8	1,475	20.0	1.6	41.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	52.1	2.20%	1.8	914	10.2	1,124	46.3	3.1	21.2%	7.1%
VND	Chứng khoán	22.0	0.70%	1.6	1,072	9.8	1,662	13.2	1.6	18.5%	13.1%
BID	Ngân hàng	53.4	0.80%	1.0	12,208	7.2	3,772	14.2	2.6	17.3%	20.3%
SHS	Chứng khoán	20.8	3.50%	1.6	678	24.2	688	30.2	1.6	13.2%	5.7%
LCG	Xây dựng	13.2	1.90%	1.6	100	1.9	546	24.1	1.0	2.1%	4.6%
HUT	Xây dựng	18.8	2.70%	1.6	673	1.5	53	355.5	1.5	1.6%	0.7%
CTD	Xây dựng	70.9	1.90%	0.8	284	3.1	1,894	37.4	0.8	44.3%	2.3%
HHV	Xây dựng	15.1	0.70%	1.3	249	3.0	782	19.3	0.7	6.7%	4.2%
C4G	Xây dựng	11.0	0.90%	1.5	-	0.3	365	30.2	1.1	0.0%	4.9%
DIG	BĐS KCN	33.6	1.80%	1.7	822	31.5	195	172.6	2.6	5.2%	2.1%
CEO	BĐS KCN	22.5	0.90%	1.0	464	5.7	293	76.8	1.9	5.6%	2.4%
KBC	BĐS KCN	33.4	0.60%	1.5	1,028	6.1	2,646	12.6	1.3	20.8%	11.7%
VGC	BĐS KCN	56.7	1.20%	1.3	1,020	0.9	2,717	20.9	2.7	5.3%	12.5%
SZC	BĐS KCN	41.2	1.70%	1.4	297	1.3	1,824	22.6	2.8	3.2%	13.4%
SIP	BĐS KCN	82.2	1.40%	1.6	599	0.3	5,098	16.1	3.7	0.3%	26.9%
PHR	BĐS KCN	60.0	1.90%	1.1	326	0.9	4,574	13.1	2.1	15.8%	18.3%
GVR	BĐS KCN	32.0	0.30%	1.6	5,133	3.8	656	48.8	2.3	0.3%	6.2%
NKG	Vật liệu	25.8	0.40%	1.6	273	6.8	446	58.0	1.3	16.0%	2.3%
BMP	Hóa chất	120.3	6.90%	0.5	395	3.7	12,717	9.5	3.7	85.9%	39.1%
IJC	Bất động sản	14.7	0.70%	1.7	223	0.9	1,477	10.0	1.0	5.9%	10.3%
DXG	Bất động sản	19.8	2.90%	1.8	572	8.0	239	83.0	1.0	20.0%	1.1%
VRE	Bất động sản	24.2	1.00%	1.2	2,201	3.4	1,940	12.4	1.5	28.7%	12.4%
PDR	Bất động sản	32.0	1.10%	1.8	947	11.7	926	34.5	2.5	7.4%	7.2%
CSV	Hóa chất	62.9	0.60%	1.4	112	1.2	4,732	13.3	1.9	3.7%	16.1%
DHC	Hóa chất	42.1	1.20%	1.0	136	0.3	3,843	11.0	1.8	35.8%	17.2%
PLX	Dầu khí	36.8	1.50%	1.0	1,878	0.7	2,230	16.5	1.6	17.1%	10.7%
PLC	Dầu khí	31.9	-0.30%	1.4	103	0.2	1,261	25.3	2.0	1.2%	8.4%
BSR	Dầu khí	19.7	0.00%	1.2	-	3.7	2,790	7.1	1.1	0.8%	15.6%
DRC	Săm lốp	30.8	1.10%	0.8	147	0.7	2,074	14.9	2.0	13.6%	13.2%
PC1	Tiện ích	28.0	0.40%	1.3	349	2.2	450	62.2	1.2	8.5%	4.1%
HDG	Tiện ích	28.6	0.40%	1.3	351	1.3	2,175	13.1	1.2	22.8%	12.9%
GEX	Tiện ích	23.2	0.60%	1.9	794	11.2	388	59.9	0.9	12.6%	4.1%
QTP	Tiện ích	15.7	1.30%	0.6	-	0.1	1,360	11.5	1.3	1.2%	10.8%
REE	Tiện ích	62.8	-0.20%	0.9	1,029	1.6	5,354	11.7	1.2	49.0%	13.9%
ANV	Thủy sản	32.3	1.70%	1.3	172	1.1	294	109.7	1.5	3.0%	1.5%
PTB	Thủy sản	65.2	1.60%	0.8	175	0.8	3,851	16.9	1.6	20.9%	10.6%
PVT	Logistics	25.8	1.60%	0.9	368	1.4	3,005	8.6	0.9	12.3%	14.3%
VSC	Logistics	22.1	2.60%	1.4	236	2.0	927	23.8	0.9	1.5%	6.2%
HAH	Logistics	41.6	1.60%	1.4	176	1.9	3,648	11.4	1.4	3.9%	12.1%
VTP	Logistics	77.0	-0.60%	1.2	376	2.8	3,119	24.7	5.9	7.3%	25.6%
DBC	Bán lẻ	30.9	-0.30%	1.4	300	6.5	103	299.0	1.6	4.5%	0.5%
FRT	Bán lẻ	144.9	-0.20%	0.7	792	1.1	(2,537)	-57.1	11.5	36.2%	11.8%
QNS	Bán lẻ	50.0	0.40%	0.6	-	3.0	6,117	8.2	2.1	15.5%	27.3%
DPM	Phân bón	34.7	0.70%	1.3	545	2.5	1,327	26.1	1.2	10.0%	4.2%
TNG	Dệt may	22.3	1.80%	1.0	102	1.2	1,917	11.6	1.4	20.5%	12.5%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
6	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
7	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
8	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

trangnt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639